

BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ VĂN HOÁ PHI VẬT THỂ CỦA NGƯỜI KHOME KHU VỰC TÂY NAM BỘ

HOÀNG THỊ LAN *

Tóm tắt: Người Khome Tây Nam Bộ có một nền văn hóa khá đa dạng, mang những nét đặc thù riêng. Nền văn hoá của người Khome Tây Nam Bộ chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi Phật giáo Nam tông. Trong bối cảnh mới của dân tộc và thời đại, các giá trị văn hoá của người Khome Tây Nam Bộ đang đứng trước những thách thức lớn lao. Đó là sự mai một dần bản sắc, sự tiếp thu thiếu chọn lọc các giá trị văn hoá ngoại lai, sự xa rời giá trị văn hoá truyền thống, sự lệ thuộc quá nhiều vào các hủ tục lạc hậu... Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá của người Khome khu vực Tây Nam Bộ góp phần xây dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Từ khóa: Bảo tồn; phát huy; văn hoá phi vật thể; người Khome Tây Nam Bộ; Phật giáo Nam tông.

Với dân số khoảng hơn 1,2 triệu người, người Khome Tây Nam Bộ là cộng đồng dân tộc có dân số đông thứ hai (sau người Kinh). Người Khome đã sớm xây dựng cho mình một nền văn hóa khá đa dạng, khác biệt với các cộng đồng dân tộc khác. Những giá trị văn hóa do người Khome Tây Nam Bộ sáng tạo ra trong quá trình lịch sử bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể. Những giá trị văn hoá đó đã và đang góp phần bổ sung, làm giàu cho nền văn hoá dân tộc Việt Nam cần được bảo tồn và phát huy.

1. Giá trị văn hóa phi vật thể của người Khome Tây Nam Bộ

Nền văn hoá của người Khome chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi văn hoá của Phật giáo Nam tông. Phật giáo Nam tông đã

ghi đậm dấu ấn trên nhiều phương diện như tư tưởng, đạo đức, lối sống, ngôn ngữ, văn học, giáo dục, nghệ thuật, lễ hội và sinh hoạt... của cộng đồng dân tộc Khome ở khu vực Tây Nam Bộ. Do đó, khi nói về văn hoá Khome không thể không đặt nó trong mối quan hệ với Phật giáo Nam tông.

Về ngôn ngữ: Dân tộc Khome có ngôn ngữ riêng của mình, thể hiện ở cả tiếng nói và chữ viết. Ngôn ngữ của người Khome đã được hình thành từ lâu đời và được hoàn thiện dần trong quá trình phát triển của lịch sử. Hiện nay, tiếng nói và chữ viết của người Khome vẫn được sử dụng trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống.

(*) Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Người Khơme có kho tàng văn học dân gian rất phong phú, đa dạng bao gồm các truyền thuyết, các loại truyện dân gian, tục ngữ, dân ca... Có thể kể đến sân khấu Rôbăm, Dù kê; múa Ram Vong, Lâm lêv, Saravan; các điệu hát dân gian như hát Aday, Chlay Yam, hát ru con; nhiều hình thức nhạc cổ với các làn điệu Alê, Chôl Chhung, Khan Bram, Peak Brambei, peak Brampil, Sâmpông. Trong đó tiêu biểu nhất phải nói đến sân khấu Rôbăm và hát Dù kê. Sân khấu Rôbăm là loại sân khấu cổ truyền của người Khơme đã từng được phổ biến rộng khắp cả vùng Nam Bộ và còn được lưu giữ đến ngày nay. Rôbăm của người Khơme ở khu vực Tây Nam Bộ thực chất là loại kịch múa hay nghệ thuật múa sân khấu, còn Dù kê là loại kịch hát. Dù kê của người Khơme là sự tổng hợp của sân khấu Rôbăm với hát Tiều, hát Quảng của người Hoa, hát Bội, hát Cải Lương của người Kinh.

Bên cạnh đó, dân tộc Khơme có rất nhiều điệu múa. Thể loại múa của người Khơme gồm múa cổ điển có tính bác học và múa dân gian, trong đó có 3 điệu múa dân gian được thực hành nhiều trong các dịp lễ, tết và sinh hoạt cộng đồng là Ram Vong, Lâm lêv, Saravan...

Thể loại ca, nhạc của người Khơme cũng rất phong phú, gồm có dòng nhạc Mahôri, nhạc cưới, nhạc lễ, nhạc tang, các điệu ru, thể loại Aday đối đáp, thể loại Chà Pây Chom Riêng...

Dân tộc Khơme có hệ thống phong tục, lễ hội dân gian và lễ hội Phật giáo

vô cùng phong phú. Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng của dân tộc Khơme. Ngoài các ngày lễ lớn của dân tộc (như tết Chool Chnăm Thmây, lễ cúng ông bà, lễ cúng trăng) và những ngày lễ của Phật giáo (như lễ Phật Đản, lễ Nhập Hạ, lễ Xuất Hạ, lễ Dâng Y, lễ An Vị Tượng Phật và lễ Kết Giới), dân tộc Khơme ở khu vực Tây Nam Bộ còn có hơn 20 ngày lễ khác bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian và tôn giáo.

Các ngày lễ hội của đồng bào dân tộc Khơme (lễ hội dân gian, lễ hội tôn giáo, tín ngưỡng) đều ít nhiều mang dấu ấn Phật giáo và có sự hiện diện của các sư tăng Khơme. Những ngày lễ, tết của dân tộc, chùa chiền còn đông vui hơn ở gia đình. Phật giáo Nam tông đã in dấu ấn của mình lên toàn bộ hệ thống phong tục, lễ hội truyền thống đồng bào dân tộc Khơme.

Phật giáo Nam tông Khơme có sức ảnh hưởng to lớn đến mọi mặt đời sống xã hội của người Khơme. Những giá trị văn hóa của Phật giáo Nam tông thể hiện trong chính lối sống, suy nghĩ, quan niệm của người dân Khơme.

Người Khơme Tây Nam Bộ luôn sống dựa vào triết lý đạo Phật, luôn tin tưởng vào luật “nhân quả”. Tinh thần nhân văn, nhân đạo, tính hướng thiện, trừ ác, trọng đạo đức, công bằng trong giáo lý Phật giáo đã chi phối mạnh mẽ lối sống của cộng đồng dân tộc Khơme. Theo giáo lý của Đức Phật Thích Ca,

người Khhome thường nghĩ làm thiện nhiều sẽ tích được nhiều phước, làm ác sẽ bị trừng phạt theo luật nhân quả. Vì thế, trong cuộc sống, người Khhome luôn luôn làm điều thiện, làm phước để cầu mong những điều tốt lành đến với bản thân và con cháu trong gia đình. Một trong những cách làm phước dễ dàng nhất mà người Khhome luôn thực hiện trong cuộc sống và khuyên dạy con cháu hàng ngày là cúng dường Phật pháp như: cúng dường thực phẩm cho sư tăng; đóng góp tiền bạc, của cải vật chất; công sức lao động để xây dựng, trùng tu sửa chữa chùa, tháp...

Do chịu ảnh hưởng bởi giá trị văn hoá tôn trọng sự bình đẳng của Phật giáo nên trong gia đình cũng như trong cộng đồng, người Khhome cũng rất bình đẳng, dân chủ. Trong quan niệm của người Khhome không có sự phân biệt người giàu, người nghèo, không có sự phân biệt giữa nam và nữ, thậm chí trong một số trường hợp vai trò của người phụ nữ được coi trọng hơn nam giới. Có thể nói, cùng với lối sống làm thiện, tránh ác, triết lý bình đẳng của Phật giáo đã thấm thấu sâu vào đời sống xã hội của người Khhome tạo nên một cộng đồng dân tộc có lối sống hiền hoà, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

Trong các phum, sóc của đồng bào Khhome, ngôi chùa Phật giáo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Ngôi chùa Phật giáo Nam tông Khhome không chỉ là một thiết chế tôn giáo, mà còn là biểu tượng của sự cố kết cộng đồng. Chùa của người Khhome không đơn thuần chỉ là nơi thờ

Phật, nơi phổ biến giáo lý, kinh điển Phật giáo mà còn là một không gian mở với nhiều kiến trúc rộng lớn mang nhiều chức năng xã hội chung của cả cộng đồng phum, sóc. Chùa Phật giáo Nam tông cũng chính là trung tâm sinh hoạt văn hoá, xã hội của cộng đồng Khhome. Chùa với người Khhome còn là nơi lưu giữ các thư tịch cổ, kinh sách, tài liệu phục vụ cho nhu cầu học tập, tra cứu của đồng bào. Chùa còn là nơi dạy chữ và giáo dục nhân cách cho con em đồng bào dân tộc Khhome. Chùa còn là từ đường chung của cả phum, sóc vì trong chùa có lò hoả thiêu, có tháp dựng tro cốt của người dân trong phum, sóc khi qua đời.

Chùa của người Khhome không chỉ có chức năng tôn giáo, tín ngưỡng mà còn có cả chức năng văn hoá, xã hội. Ngoài các ngày lễ của Phật giáo và của dân tộc, mỗi khi có chuyện vui hay buồn hoặc khi gặp điều gì khó khăn, vướng mắc, người Khhome thường đến chùa lễ Phật và trải lòng với các sư tăng. Trong gia đình, thân tộc nếu có mâu thuẫn, bất hoà, người Khhome cũng tìm đến nhờ sư tăng giải quyết. Mọi công việc chung của cộng đồng đều được đưa ra bàn bạc và quyết định ở ngôi chùa. Người Khhome coi ngôi chùa là ngôi nhà công cộng của nhân dân trong phum, sóc. Mọi người Khhome từ già, trẻ, lớn, bé đều là con dân của chùa, có thể đến chùa như về nhà của mình vậy.

Chùa Phật giáo Nam tông còn là môi trường giáo dục của người Khhome.

Trong tâm thức của đồng bào dân tộc Khome vùng Tây Nam Bộ, sư tăng có vai trò rất quan trọng trong cộng đồng. Họ được người dân tôn trọng tuyệt đối. Sư tăng của Phật giáo Nam tông không chỉ là người thực hiện sứ mệnh hóa đạo, hướng dẫn hoạt động tín ngưỡng mà còn là người định hướng, tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục cho cộng đồng. Hay nói cách khác, Phật giáo Nam tông có chức năng giáo dục rất cao.

Với mỗi sư tăng của Phật giáo Nam tông, việc giáo dục tín đồ, Phật tử và con em đồng bào Khome được coi là một trách nhiệm cao cả mà họ phải thực hiện. Vì thế, sư tăng của Phật giáo Nam tông Khome là người tu hành đồng thời là người thầy thực sự của cộng đồng dân tộc. Việc dạy học văn hóa trong các trường chùa của Phật giáo Nam tông Khome đã trở thành truyền thống. Mọi người Khome đều học chữ Pali tại chùa. Chùa nào cũng có một hoặc vài vị Sãi giáo chuyên dạy trẻ em trong vùng. Nội dung giảng dạy tại các trường chùa bao gồm dạy chữ Pali, dạy giáo lý Phật giáo, dạy kiến thức văn hoá phổ thông, dạy nghề và cả rèn giũa nhân cách, đạo đức cho con em đồng bào. Như vậy, qua các trường chùa do các sư tăng đảm trách, hầu hết các thành viên trong cộng đồng Khome được trang bị về mặt tri thức văn hoá, được đào tạo ở mức độ nhất định về nghề thủ công. Từ đó, tạo dựng cho họ hành trang ban đầu cần bản nhất để họ bước vào xây dựng cuộc sống. Có thể nói, ngôi chùa Phật giáo Nam tông

với chức năng xã hội của nó được thể hiện trong cuộc sống là một biểu hiện rõ rệt nhất sắc thái văn hoá tộc người Khome ở khu vực Tây Nam Bộ.

Từ trong truyền thống, người Khome đã rất coi trọng cuộc sống tu hành. Việc đi tu của nam thanh niên Khome vừa là nghĩa vụ, vừa là vinh dự của mỗi người. Theo phong tục của người Khome, khi con trai đến 12, 13 tuổi phải vào chùa tu một thời gian với một hay nhiều ý nghĩa: trả hiếu, tích phước cho ông bà, cha mẹ, thể hiện tình cảm, trách nhiệm với dân tộc, tỏ lòng thành kính với đức Phật, đồng thời là dịp tích đức, tích lũy kiến thức cho bản thân. Thời gian đi tu của các nam thanh niên Khome trước đây được quy định là 4 năm, nhưng hiện nay, đi tu thời gian dài hay ngắn là tùy thuộc vào điều kiện của bản thân và gia đình, nhưng tối thiểu là một tháng. Trong cuộc đời của một người đàn ông Khome có thể có nhiều lần vào chùa đi tu. Sau thời gian tu hành, họ trở lại cuộc sống đời thường, lập gia đình, tham gia các công việc xã hội.

Như vậy, từ hàng ngàn năm qua, định chế tu trì cởi mở, cùng với việc thực hiện các chức năng xã hội của mình, Phật giáo Nam tông đã tạo nên sự gắn bó mật thiết giữa cộng đồng Khome với ngôi chùa nhà Phật. Ngày nay, dù cuộc sống còn nghèo khó, nhưng người dân Khome vẫn rất sẵn sàng góp công, góp của để xây dựng chùa. Trong xã hội hiện đại, Phật giáo Nam tông vẫn đang góp phần duy trì, bồi đắp làm giàu thêm bản sắc văn hoá cho dân tộc Khome.

2. Các giá trị văn hóa phi vật thể của người Khơme khu vực Tây Nam Bộ: Thực trạng và giải pháp

Những năm qua, trong chiến lược xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng, Nhà nước ta đã rất quan tâm đến công tác bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá của các dân tộc thiểu số, trong đó có bản sắc văn hoá của dân tộc Khơme.

Chủ trương, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Khơme đã được thể hiện trong nhiều văn bản của Đảng, Nhà nước, tiêu biểu như: Chỉ thị 68/CT-TW ngày 18 tháng 4 năm 1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VI; Chỉ thị 39/1998/CT-TTg ngày 03 tháng 12 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị 14/2003/CT-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ... Chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào Khơme và Phật giáo Nam tông Khơme được chú ý trên cả hai phương diện: văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể. Trên lĩnh vực văn hoá phi vật thể, công tác này tại các địa phương vùng đồng bào Khơme Tây Nam Bộ đã thu được nhiều thành tựu đáng kể.

Hiện đã có 9 tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long triển khai dạy tiếng Khơme ở 374 trường, 2.970 lớp với 68.334 học sinh⁽¹⁾. Đáp ứng nhu cầu của đồng bào Khơme, ở một số tỉnh có đông đồng bào Khơme sinh sống,

hầu hết các chùa đều được đầu tư xây dựng các điểm nhóm dạy bổ túc văn hoá song ngữ Kinh - Khơme, dạy chữ Khơme cho đồng bào do các sư tăng Khơme đảm trách.

Ngoài ra, thời lượng, số lượng và chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình, báo chí sử dụng tiếng Khơme ngày càng được tăng cường. Nhiều loại hình nghệ thuật dân gian truyền thống của người Khơme tiếp tục được khai thác, phát huy trong thực tế. Một số đoàn nghệ thuật Khơme được Nhà nước quan tâm đầu tư đã hoạt động khá tốt, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp trong văn học, nghệ thuật của người Khơme.

Việc bảo tồn và phát huy các lễ hội truyền thống của người Khơme cũng được Đảng, Nhà nước quan tâm. Năm 2008, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã đưa lễ hội Ok-Om-Bok của người Khơme vào vào danh sách 15 lễ hội thuộc Chương trình quốc gia về Du lịch Việt Nam. Từ năm 2003 đến nay, ở các tỉnh Tây Nam Bộ, định kỳ 2 năm một lần, Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch tổ chức “Ngày hội văn hóa - thể thao dân tộc Khơme Nam Bộ”. Tại Hà Nội, hàng năm đều có tổ chức ngày văn hóa Khơme Nam Bộ trong khuôn khổ

⁽¹⁾ Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh (2010), Kỷ yếu hội thảo khoa học: Xây dựng chính sách kinh tế - văn hoá - xã hội đối với Phật giáo Nam tông Khơme và đồng bào Khơme vùng Tây Nam Bộ đến năm 2020, Cần Thơ, tr.156.

chương trình: “Ngày hội văn hoá các dân tộc Việt Nam”. Tháng 11 năm 2013, quần thể ngôi chùa Phật giáo Nam tông đã được khánh thành trong khuôn viên “Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam” tại Hà Nội; đó là một minh chứng điển hình cho sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với công tác bảo tồn, phát huy, quảng bá giá trị văn hoá của dân tộc Khơme và Phật giáo Nam tông Khơme.

Bên cạnh đó, việc nâng cao trình độ cho các sư tăng Khơme, nhân tố quan trọng trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá của dân tộc Khơme và Phật giáo Nam tông Khơme, cũng được Đảng, Nhà nước quan tâm, chú ý. Năm 2006, Học viện Phật giáo Nam tông Khơme đã được Nhà nước cho phép thành lập tại Cần Thơ. Sự ra đời của Học viện Phật giáo Nam tông Khơme đã đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của sư tăng Khơme để họ có thể thực hiện tốt hơn trách nhiệm của mình với cộng đồng dân tộc cả về mặt đạo lẫn mặt đời...

Chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Khơme và Phật giáo Nam tông Khơme đã được thực hiện khá tốt ở các địa phương khu vực Tây Nam Bộ, nơi có đồng bào Khơme sinh sống. Tuy nhiên, bản sắc văn hoá độc đáo của tộc người Khơme ở khu vực Tây Nam Bộ hiện đang đứng trước những thách thức lớn lao. Đó là sự mai một dần bản sắc văn hoá dân tộc, sự tiếp thu thiếu

chọn lọc giá trị văn hoá của các dân tộc khác, xa rời những giá trị văn hoá truyền thống ở một bộ phận người dân Khơme, sự lệ thuộc quá nhiều vào các hủ tục lạc hậu làm chậm sự phát triển của cộng đồng dân tộc...

Để thực hiện hiệu quả chính sách của Đảng, Nhà nước về bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Khơme nói chung và Phật giáo Nam tông Khơme nói riêng, cần thực hiện một số giải pháp sau:

- *Thứ nhất*, cần khẳng định rằng, bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá của dân tộc Khơme không có nghĩa là bảo toàn nguyên xi, nguyên vẹn những gì đã có trong nền văn hoá dân tộc mà phải làm cho cái hợp lý, cái tiến bộ phù hợp với sự phát triển được thực hành và quảng bá rộng rãi trong đời sống xã hội, đồng thời loại bỏ dần những cái lạc hậu, hủ tục; từ đó tạo nên những nguồn lực thúc đẩy sự phát triển tiến bộ về mọi mặt cho dân tộc Khơme.

- *Thứ hai*, trong nội dung bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá phi vật thể của dân tộc Khơme, trước tiên cần bảo tồn tiếng nói, chữ viết. Bởi vì tiếng nói và chữ viết là linh hồn của nền văn hoá. Để bảo tồn tiếng nói chữ viết của dân tộc Khơme, ngoài việc thực hiện giảng dạy chữ Khơme trong chương trình phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện hành, cần tăng cường công tác tuyên truyền để đồng bào Khơme thấy được vai trò to lớn của ngôn ngữ, chữ viết trong phát triển văn hoá, trong

đời sống xã hội, từ đó khuyến khích họ học tiếng nói, chữ viết trong các trường chùa. Tăng thời lượng sử dụng tiếng nói và chữ viết Khome trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- *Thứ ba*, để bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá trong các lễ hội của người Khome, cần tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hoá của các lễ hội Khome, mặt khác, giúp cộng đồng người Khome tổ chức các lễ hội không quá tốn kém về thời gian, tiền của, không làm cho lễ hội của đồng bào bị pha tạp, lai căng mà vẫn giữ được các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình. Các địa phương cần kết hợp với các Ban quản trị chùa trong công tác tổ chức lễ hội, hướng dẫn họ thực hiện đúng quy chế và chủ trương, chính sách của Nhà nước, đảm bảo không làm xó cứng lễ hội, Nhà nước không can thiệp vào các lễ nghi tôn giáo, tín ngưỡng của đồng bào.

- *Thứ tư*, cần phát huy tính tự quản của tổ chức xã hội cổ truyền phum, sóc của đồng bào dân tộc Khome. Ngày nay, phum, sóc không phải là đơn vị hành chính của bộ máy nhà nước, nhưng cơ chế tự quản dựa trên phong tục tập quán của dân tộc, những định chế của Phật giáo Nam tông đã tồn tại trong cộng đồng Khome từ rất lâu đời hiện vẫn có sức sống trên nhiều phương diện. Trong quá trình bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá của dân tộc Khome không thể không tính đến yếu tố này. Cần chú trọng phát huy vai trò của các sư

tăng Khome, của Ban quản trị chùa và những người có uy tín trong cộng đồng xây dựng đời sống kinh tế, xã hội, trong bảo tồn, phát triển văn hoá truyền thống của người Khome.

- *Thứ năm*, cần phát huy vai trò của Phật giáo Nam tông trong bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá dân tộc Khome. Phật giáo Nam tông và dân tộc Khome có mối quan hệ đặc biệt gắn bó, góp phần quan trọng tạo nên bản sắc văn hoá dân tộc Khome. Để Phật giáo Nam tông tiếp tục phát huy vai trò của mình trong đời sống xã hội của người Khome, trước hết cần tăng cường sự phối kết hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị ở cấp cơ sở với các sư tăng và ngôi chùa Phật giáo. Sự phối kết hợp đó phải được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tạo điều kiện thuận lợi cho các sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của đồng bào; khai thác tốt chức năng xã hội của Phật giáo Nam tông phục vụ cho quá trình nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cộng đồng người Khome. Tiếp tục hỗ trợ nhà chùa trong xây dựng các công trình phục vụ dân sinh như lò hoả táng. Khuyến khích, động viên các sư tăng Khome tham gia tích cực vào việc dạy chữ Khome, dạy nghề và giáo dục nhân cách, đạo đức cho con em đồng bào Khome.

- *Thứ sáu*, cần tiếp tục đầu tư phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí cho cộng đồng dân tộc Khome. Đây mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người Khome về vai

trò của tri thức. Khuyến khích đồng bào tham gia học tập, nâng cao hiểu biết. Phát huy vai trò của các sư tăng và chùa chiền Phật giáo Nam tông trong sự nghiệp giáo dục đào tạo. Xây dựng hệ thống trường lớp một cách đồng bộ, đa dạng hoá các hình thức đào tạo. Phát triển hệ thống các trường lớp, nhà trẻ, mẫu giáo, tạo điều kiện cho con em đồng bào Khome sớm được tiếp xúc với ngôn ngữ, chữ viết phổ thông. Cũng cố, phát triển hệ thống trường dân tộc nội trú. Có chế độ đãi ngộ thoả đáng cho đội ngũ giáo viên dạy tiếng Khome. Quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ trí thức người Khome.

- *Thứ bảy*, cần quan tâm xây dựng đội ngũ những người hoạt động văn hoá nghệ thuật tại các địa phương có đông đồng bào Khome sinh sống, đặc biệt là đội ngũ những người Khome hoạt động trong lĩnh vực này (bao gồm cán bộ làm công tác nghệ thuật chuyên trách, các nghệ nhân, nghệ sĩ, các sư tăng...); đồng thời có chế độ đãi ngộ thoả đáng cho đội ngũ cả về vật chất lẫn tinh thần. Để cho đội ngũ có điều kiện hoạt động không thể không đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá cơ sở. Nhưng đầu tư như thế nào để các thiết chế này hoạt động có hiệu quả là vấn đề mà chính quyền địa phương cần phải tính đến. Bên cạnh đó, cần tập trung đầu tư nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn nghệ thuật Khome; đẩy mạnh phong trào hoạt động văn hoá, xây dựng, phục

hồi, củng cố các đội văn nghệ quần chúng, đội thông tin lưu động. Mở rộng giao lưu văn hoá giữa dân tộc Khome với các dân tộc khác trong khu vực như Kinh, Hoa, Chăm.

- *Thứ tám*, bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Khome phải gắn với việc phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào Khome, nhằm làm cho các giá trị văn hoá của dân tộc Khome có sức sống lâu bền. Trước hết, cần thực hiện và tiếp tục phát huy hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước đã và đang thực hiện trong vùng đồng bào dân tộc Khome như chương trình 134, 135 của Chính phủ và các chương trình, dự án khác để phát triển đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào Khome. Bên cạnh đó, cần đảm bảo trong các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Khome phải tính đến các yếu tố bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Khome.

Tài liệu tham khảo

1. Hoan Sang, Danh Sên (2002), *Các lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer Nam Bộ* (song ngữ), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Viện Văn hoá, Bộ phận thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh và Nxb Tổng hợp Hậu Giang (1998), *Tìm hiểu vốn văn hoá dân tộc Khmer Nam Bộ*, Nxb Tổng hợp Hậu Giang.
3. Huỳnh Thanh Quang (2011), *Giá trị văn hoá Khmer vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

